

Phát triển nông nghiệp xanh, quản lý hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển bền vững tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2025-2030

*** Sở Nông nghiệp và Môi trường**

Sau khi hợp nhất, tỉnh Lâm Đồng trở thành địa phương có quy mô diện tích lớn nhất cả nước (24.233 km²), dân số hơn 3,8 triệu người, hội tụ đầy đủ các điều kiện về khí hậu, thổ nhưỡng, tài nguyên rừng – biển, tạo nên không gian phát triển đa dạng và giàu tiềm năng. Lợi thế này cho phép tỉnh đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao kết hợp với du lịch sinh thái, công nghiệp chế biến và logistics biển, hình thành chuỗi giá trị đa ngành và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tuy nhiên, đi cùng với cơ hội là những thách thức lớn, quá trình phát triển nhanh đang tạo áp lực ngày càng cao lên môi trường; đất đai bị thoái hóa do lạm dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; chất thải rắn gia tăng nhanh; khai thác bauxite và titan tiềm ẩn nguy cơ môi trường lớn; và tác động của biến đổi khí hậu ngày càng rõ rệt với hạn hán, mưa cực đoan. Trong bối cảnh đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường xác định việc phát triển nông nghiệp xanh, quản lý tài nguyên bền vững và bảo vệ môi trường sẽ góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và cam kết phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

1. Về những kết quả nổi bật đạt được

Một là, phát triển nông nghiệp xanh, nâng cao giá trị sản xuất và xuất khẩu. Trong giai đoạn 2020 - 2025, nông nghiệp tiếp tục khẳng định vai trò trụ cột của nền kinh tế tỉnh, duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân 4,75%/năm, đóng góp khoảng 34% GRDP của toàn tỉnh. Giá trị sản xuất bình quân đạt 197 triệu đồng/ha/năm, tăng 1,5 lần so với giai đoạn 2015 - 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản hằng năm đạt trên 1,2 tỷ USD, chiếm trên 40% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh, đưa Lâm Đồng vào nhóm 5 tỉnh dẫn đầu cả nước về xuất khẩu nông sản giá trị cao, cơ cấu ngành hàng chủ lực được củng cố và mở rộng¹. Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt 107.217 ha²; đã được cấp 954 mã số vùng trồng xuất khẩu (trên 45.000 ha) và 339 cơ sở đóng gói đạt chuẩn, nhiều cơ sở đạt chứng nhận HACCP, ISO 22000; có 416 chuỗi liên kết sản xuất³; 914 sản phẩm OCOP (839 sản phẩm 3 sao, 75 sản phẩm 4 sao); kinh tế tập thể được củng cố với khoảng 1.157 hợp tác xã⁴.

Hai là, lâm nghiệp được bảo vệ và phát triển bền vững. Toàn tỉnh hiện có 1.132.000 ha rừng, trong đó rừng đặc dụng 331.000 ha, rừng phòng hộ 524.000

¹ Cà phê: diện tích 327.629 ha, sản lượng 1,65 triệu tấn/năm, trong đó trên 95% diện tích đạt tiêu chuẩn VietGAP, 40% diện tích cà phê đặc sản; Rau: diện tích 62.104 ha, sản lượng 1,8 triệu tấn/năm, 70% sản lượng phục vụ xuất khẩu và các đô thị lớn; Hoa: diện tích 8.127 ha, sản lượng trên 3 tỷ cành/năm, xuất khẩu đi 30 quốc gia và vùng lãnh thổ; Sầu riêng: diện tích 42.532 ha, sản lượng khoảng 340 nghìn tấn/năm, đứng thứ ba cả nước; Thanh long: diện tích 25.979 ha, sản lượng khoảng 500 nghìn tấn/năm; Các cây trồng khác: điều 49.235 ha, cao su 74.439 ha, tiêu 37.193 ha, mắc ca 16.350 ha, chanh dây 2.364 ha

² Chiếm gần 40% diện tích gieo trồng, trong đó có khoảng 1.000 ha nông nghiệp thông minh; sản xuất an toàn đạt 143.353,8 ha (17,8%), gồm 20.507,8 ha VietGAP/GlobalGAP, 118.822 ha 4C/UTZ và 4.024 ha hữu cơ.

³ Với sự tham gia của 45.615 hộ, quy mô trồng trọt là 83.885 ha và 2.262.327 con vật nuôi).

⁴ Gồm 605 hợp tác xã ở khu vực I, 242 hợp tác xã ở khu vực II, 310 hợp tác xã ở khu vực III.

ha, rừng sản xuất 277.000 ha; tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 46,72%, cao hơn mức trung bình cả nước (42%). Giai đoạn 2020–2025, toàn tỉnh trồng mới 19.780 ha rừng tập trung, riêng 8 tháng đầu năm 2025 đã trồng thêm 3.318 ha (tăng 3,05% so với cùng kỳ 2024). Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng tiếp tục phát huy hiệu quả, với tổng nguồn thu bình quân hằng năm trên 450 tỷ đồng, hỗ trợ hơn 20.500 hộ dân, góp phần cải thiện sinh kế và nâng cao ý thức cộng đồng. Diện tích rừng giao khoán bảo vệ đạt trên 477 ngàn ha, với hơn 20,5 ngàn hộ dân tham gia, trong đó 95% diện tích được tuần tra, giám sát bằng hệ thống định vị GPS và phần mềm quản lý rừng số hóa.

Ba là, kinh tế thủy sản phát triển hiện đại, bền vững và có tính cạnh tranh cao. Kinh tế thủy sản được tái cơ cấu theo hướng nâng cao hiệu quả khai thác, nuôi trồng gắn với chế biến để tăng giá trị gia tăng; phát triển khai thác xa bờ có tổ chức gắn với hậu cần dịch vụ và nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo, đồng thời kiểm soát chặt chẽ hoạt động tuyến bờ và tuyến lộng. Cơ cấu thuyền nghề chuyển dịch đúng hướng, tăng tỷ trọng đội tàu lớn đi kèm hiện đại hóa công nghệ khai thác. Tổng sản lượng hải sản khai thác giai đoạn 2020–2025 đạt khoảng 1,4 triệu tấn, thuộc top 3 cả nước. Nuôi trồng thủy sản phát triển bền vững, thâm canh, đa dạng loài; nuôi biển ứng dụng công nghệ cao dần được mở rộng với các loài cá và đặc sản giá trị cao⁵. Xuất khẩu thủy sản duy trì vai trò mũi nhọn, kim ngạch năm 2025 ước đạt trên 250 triệu USD, tăng 57,2% so với năm 2020.

Hệ thống thủy lợi gồm 966 công trình (536 hồ chứa, 255 đập dâng, 13 cống dâng, 51 trạm bơm, 91 đập tạm, 20 công trình tiêu thoát) với 3.632 km kênh mương (53% đã kiên cố hóa), bảo đảm cấp nước tưới cho 150.000 ha đất canh tác và cấp nước sinh hoạt cho trên 85% dân số; công tác quản trị an toàn hồ đập được duy trì thường xuyên. Tỉnh từng bước ứng dụng các giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước và quản lý rủi ro hạn – lũ theo hướng số hóa, góp phần tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, nâng độ an toàn công trình và bảo đảm nguồn nước cho các vùng sản xuất tập trung.

Bốn là, quản lý đất đai và tài nguyên khoáng sản chặt chẽ, minh bạch. Công tác quy hoạch, quản lý và sử dụng đất đai có nhiều chuyển biến rõ nét, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế – xã hội bền vững; đã hoàn thành quy hoạch sử dụng đất toàn tỉnh đến năm 2030, đồng thời rà soát, điều chỉnh các quy hoạch chuyên ngành để bảo đảm đồng bộ với Quy hoạch tỉnh. Trong 5 năm, đã thu hồi trên 4.500 ha đất sử dụng kém hiệu quả, chuyển đổi sang đất nông nghiệp công nghệ cao, dự án năng lượng tái tạo và các công trình hạ tầng trọng điểm. Ứng dụng cơ sở dữ liệu đất đai, bản đồ số GIS giúp giảm 30% thời gian cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giảm mạnh tình trạng lấn chiếm đất công. Bên cạnh đó, công tác quản lý tài nguyên khoáng sản được thực hiện chặt chẽ, gắn với yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ môi trường với 1.034 khu vực mỏ đã được điều tra, quy hoạch, trong đó có bauxite diện tích 244.802 ha, trữ lượng 5,89 tỷ tấn (gần 80% trữ lượng cả nước) và titan trữ lượng khoảng 124 triệu tấn (83% trữ lượng cả

⁵ Nuôi cá nước lạnh (cá tầm): sản lượng 2.400 tấn/năm, tăng gấp 2,1 lần so với năm 2020; Sản xuất tôm giống: bình quân 25 tỷ con/năm, chiếm 20% thị phần cả nước; Nuôi biển ứng dụng công nghệ cao: diện tích tăng lên 1.250 ha, sản lượng đạt 35.000 tấn/năm.

nước). Toàn bộ hoạt động cấp phép, giám sát thăm dò và khai thác được thực hiện nghiêm túc, tuân thủ Luật Địa chất và Khoáng sản 2024, gắn với phương án phục hồi môi trường, ký quỹ cải tạo phục hồi. Nhiều dự án khai thác được yêu cầu chế biến sâu để gia tăng giá trị, hạn chế xuất khẩu thô. Cùng với đó, tỉnh tăng cường thanh tra, kiểm tra liên ngành, xử lý nghiêm các hành vi khai thác trái phép, đặc biệt đối với vàng và cát xây dựng; nhiều điểm nóng khai thác khoáng sản tự phát đã được phát hiện, xử lý và phục hồi môi trường. Hoạt động đấu giá quyền khai thác khoáng sản được triển khai công khai, minh bạch, vừa tăng thu ngân sách, vừa bảo đảm sử dụng tài nguyên hiệu quả và bền vững.

Năm là, công tác bảo vệ môi trường chuyên biến tích cực và toàn diện. Các kế hoạch và quy định thực thi Luật Bảo vệ môi trường 2020 đã được ban hành đồng bộ, siết chặt thẩm định, giám sát dự án và yêu cầu ký quỹ phục hồi môi trường; tổng chi ngân sách sự nghiệp môi trường đạt 2.191 tỷ đồng cho giai đoạn 2021-2025 (trương đương 2,78% chi thường xuyên). Toàn tỉnh hiện có 44 đơn vị tham gia thu gom, xử lý chất thải; 13 nhà máy xử lý rác quy mô lớn đã đi vào vận hành hoặc đang hoàn. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đạt 95%; 100% khu công nghiệp trọng điểm có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn. Cùng với đó, các phong trào cộng đồng như “Ngày Chủ nhật xanh”, “Thôn không rác”, “Gia đình 5 không 3 sạch” được triển khai rộng khắp, góp phần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. Các mô hình kinh tế tuần hoàn – tái chế phụ phẩm nông nghiệp, phát triển năng lượng tái tạo và chuyển đổi số trong quản lý – vận hành từng bước được thúc đẩy, hướng tới mục tiêu giảm phát thải và nâng cao hiệu quả tài nguyên.

2. Về khó khăn và thách thức

Bên cạnh những kết quả đạt được, tỉnh Lâm Đồng bước vào giai đoạn mới cũng đối diện nhiều khó khăn, thách thức rất lớn. Biến đổi khí hậu ngày càng tác động mạnh mẽ, với hạn hán kéo dài, mưa cực đoan, lũ quét và dịch hại cây trồng gia tăng về tần suất và cường độ. Áp lực môi trường không ngừng tăng: mỗi năm phát sinh khoảng 4,8 triệu tấn phụ phẩm nông nghiệp nhưng chỉ 68,7% được tái sử dụng, phần còn lại gây lãng phí tài nguyên và nguy cơ ô nhiễm đất, nước, không khí. Vi phạm Luật Lâm nghiệp, khai thác thủy sản và khoáng sản trái phép chưa được kiểm soát triệt để, tiềm ẩn rủi ro môi trường và an toàn lao động. Thị trường xuất khẩu nông sản ngày càng khắt khe về tiêu chuẩn phát thải carbon, truy xuất nguồn gốc và an toàn thực phẩm, đòi hỏi chi phí sản xuất và yêu cầu kỹ thuật cao. Trong khi đó, cơ chế, chính sách hỗ trợ nông nghiệp xanh, kinh tế tuần hoàn và giảm phát thải còn phân tán, chưa đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp và nông dân đầu tư dài hạn vào công nghệ xanh.

3. Định hướng mục tiêu giai đoạn 2025-2030

Để hiện thực hóa mục tiêu “Phát triển nông nghiệp xanh, quản lý hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường”, tỉnh Lâm Đồng đạt được các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030 như sau:

- Khu vực nông-lâm-thủy sản tăng trưởng bình quân 5–5,5%/năm, chiếm 28,5–29% trong cơ cấu giá trị tăng thêm của nền kinh tế.

- Tỷ lệ dân số tiếp cận nước sạch/hợp vệ sinh đạt trên 87% ở đô thị và 65% ở nông thôn.

- Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải đạt 65–70%; 98% cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn môi trường; 100% nước thải từ khu, cụm công nghiệp và bệnh viện đạt chuẩn.

- Thu gom, xử lý rác sinh hoạt $\geq 95\%$ ở đô thị và $\geq 90\%$ ở nông thôn; 100% cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng được xử lý dứt điểm.

- Tỷ lệ che phủ rừng duy trì trên 46,72%;

4. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

Với trách nhiệm là cơ quan tham mưu, tổ chức thực hiện các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, Đảng bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất các nhóm nhiệm vụ và giải pháp góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu “Phát triển nông nghiệp xanh, quản lý hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường” giai đoạn 2025–2030, cụ thể:

Một là, tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng xanh, công nghệ cao và kinh tế tuần hoàn. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển mạnh nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp sinh thái, nâng diện tích sản xuất công nghệ cao từ 107.000 ha hiện nay lên trên 150.000 ha vào năm 2030. Tổ chức lại sản xuất gắn với chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất – chế biến – tiêu thụ, phấn đấu đến 2030 70% sản lượng nông sản chủ lực được chế biến sâu. Thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ số, tự động hóa, tưới tiết kiệm, cảm biến thông minh, giảm 20–30% lượng nước tưới, 25% vật tư nông nghiệp và phát thải khí nhà kính. Phát triển mạnh các sản phẩm OCOP xanh, sản phẩm nông nghiệp carbon thấp phục vụ thị trường xuất khẩu, nhất là các thị trường yêu cầu tiêu chuẩn cao về môi trường và truy xuất nguồn gốc.

Hai là, tăng cường quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên đất, nước và khoáng sản. Ưu tiên quỹ đất cho nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, hạ tầng trọng điểm và không gian xanh đô thị. Ứng dụng cơ sở dữ liệu đất đai, bản đồ số GIS để giám sát biến động đất đai theo thời gian thực, ngăn chặn lấn chiếm, tranh chấp và sử dụng sai mục đích, đồng thời rút ngắn 30–40% thời gian cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Đối với tài nguyên nước, bảo vệ nghiêm các lưu vực sông Đa Nhim, Lũy, Cái, Krông Nô, tăng cường giải pháp chống hạn, phòng lũ và điều tiết nguồn nước, đảm bảo đến năm 2030 có trên 87% dân đô thị và 65% dân nông thôn được cấp nước sạch/hợp vệ sinh; Đối với khoáng sản, quản lý chặt chẽ 1.034 khu vực mỏ, đặc biệt là bauxite 244.802 ha (trữ lượng 5,89 tỷ tấn) và titan 124 triệu tấn, yêu cầu chế biến sâu, ký quỹ phục hồi môi. Duy trì thanh tra liên ngành thường xuyên, xử lý triệt để các điểm nóng về khai thác khoáng sản cát trái phép; tổ chức đấu giá quyền khai thác công khai, minh bạch để tăng thu ngân sách và bảo đảm sử dụng tài nguyên hợp lý, bền vững.

Ba là, đẩy mạnh bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu. Đầu tư và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tập trung ở tất cả các khu công nghiệp, đô thị lớn, đảm bảo 100% nước thải đạt quy chuẩn và 65–70% lượng nước thải đô thị

được xử lý, tái sử dụng vào năm 2030. Tổ chức phân loại rác tại nguồn, nâng cao năng lực các nhà máy xử lý rác quy mô lớn, phấn đấu thu gom và xử lý $\geq 95\%$ rác thải sinh hoạt ở đô thị và $\geq 90\%$ ở nông thôn; Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, tái chế 100% phụ phẩm nông nghiệp, phát triển năng lượng tái tạo và sản xuất vật liệu thân thiện môi trường, giảm phát thải khí nhà kính. Ứng dụng giấy phép môi trường số và quan trắc tự động, bảo đảm công khai, minh bạch, nâng cao hiệu quả giám sát và dự báo ô nhiễm.

Bốn là, bảo vệ và phát triển rừng, phát huy dịch vụ môi trường rừng. Giữ vững tỷ lệ che phủ rừng trên 46,72%, tăng diện tích trồng rừng mới mỗi năm trên 3.500 ha, mở rộng giao khoán bảo vệ rừng cho cộng đồng. Thúc đẩy các mô hình kinh tế dưới tán rừng và du lịch sinh thái, đồng thời phát triển thị trường tín chỉ carbon để tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng. Hoàn thiện hệ thống giám sát rừng số hóa, camera và cảnh báo cháy sớm, giảm thiểu nguy cơ cháy rừng và xâm lấn rừng tự nhiên.

Năm là, kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước. Thành lập tổ phản ứng nhanh xử lý sự cố môi trường, nâng cao năng lực thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý đất đai, rừng, nước và môi trường, kết nối liên thông dữ liệu từ xã đến tỉnh. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên về kinh tế xanh, quản lý carbon, công nghệ số và ứng phó biến đổi khí hậu, bảo đảm đội ngũ đáp ứng nhiệm vụ giai đoạn mới.

Sáu là, huy động nguồn lực xã hội và mở rộng hợp tác quốc tế. Tham mưu cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào các dự án tái chế, xử lý rác thải, chuyển rác thành năng lượng, phát triển nông nghiệp hữu cơ và tuần hoàn, mở rộng thị trường tín chỉ carbon. Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, viện nghiên cứu và các tỉnh Tây Nguyên – Nam Trung Bộ trong quản lý lưu vực sông, bảo vệ rừng, ứng phó biến đổi khí hậu, qua đó thu hút nguồn lực tài chính, công nghệ và tri thức quốc tế.

Bảy là, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục và huy động cộng đồng. Duy trì và nâng cao hiệu quả các phong trào “Ngày thứ Bảy vì môi trường sáng – xanh – sạch – đẹp”, “Mỗi người dân – Một cây xanh”, “Mỗi cơ sở – Một cam kết không rác nhựa”. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu, phổ biến kỹ thuật phân loại rác, tiết kiệm nước và năng lượng, xây dựng lối sống xanh và trách nhiệm môi trường trong mọi tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp, hợp tác xã.

Với quyết tâm chính trị cao, cùng sự lãnh đạo và chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ngành, địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ chủ động, sáng tạo, tham mưu huy động tổng lực các nguồn lực xã hội, đồng thời đẩy mạnh đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước để triển khai đồng bộ 07 nhóm giải pháp vừa nêu, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.